Vietnam Auditing and Valuation Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
đã được kiểm toán

Thành viên Hãng kiểm toán MGI Quốc tế
mgiworldwide

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
Ký ngày: 15/6/2017 17:19:46

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3-5
Báo cáo kiểm toán độc lập	6-7
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	8-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12-28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0104782792, đăng ký lần đầu ngày 03/08/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/09/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
Trụ sở chính của công ty được đặt tại: Tầng 5, Tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đình Như	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 07/09/2016)
Ông Đặng Kim Khoa	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 07/09/2016, miễn nhiệm ngày 15/04/2017)
Ông Hà Xuân Trường	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 22/02/2017)
Bà Hoàng Quế Lan	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 22/02/2017)
Ông Phạm Đình Dương	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 07/09/2016, miễn nhiệm ngày 22/02/2017)
Ông Đỗ Trọng Bách	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 22/02/2017)
Ông Phạm Hoàng Cầu	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 22/02/2017)
Bà Trương Thị Loan	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 07/09/2016, miễn nhiệm ngày 22/02/2017)
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 07/09/2016, miễn nhiệm ngày 22/02/2017)
Bà Phùng Thị Diệp Linh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 07/09/2016, miễn nhiệm ngày 22/02/2017)
Bà Lê Thị Nhung	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 07/09/2016)
Ông Lê Đức Tự	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 07/09/2016)
Ông Hoàng Ngọc Chiến	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 09/07/2016)
Ông Nguyễn Văn Công	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 09/07/2017)
Ông Nguyễn Đức Quang	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 07/09/2016)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đình Như	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 08/09/2016)
Ông Đặng Kim Khoa	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 8/9/2016, miễn nhiệm ngày 16/01//2017)
Ông Hà Xuân Trường	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 16/01/2017)
Bà Lê Thị Nhung	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 04/04/2016
Ông Nguyễn Văn Công	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Quang	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 04/04/2016)
Ông Đỗ Trọng Bách	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 13/01/2017, miễn nhiệm ngày 18/04/2017)
Ông Lê Đức Tự	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 18/04/2017)
Bà Hoàng Quế Lan	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 18/04/2017)

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Vũ Diệu Hương	Trưởng Ban	(Miễn nhiệm ngày 07/09/2016)
Ông Phạm Văn Định	Trưởng Ban	(Bổ nhiệm ngày 07/09/2016, miễn nhiệm ngày 22/02/2017)
Bà Hoàng Thị Tuyết Lan	Trưởng Ban	(Bổ nhiệm ngày 24/02/2017)
Ông Phạm Đức Trung	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 07/09/2016)
Ông Nghiễn Thế Hiển	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 07/09/2016)
Bà Lâm Thị Hòa	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 07/09/2016, miễn nhiệm ngày 22/02/2017)
Ông Nguyễn Tuấn Long	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 07/09/2016, miễn nhiệm ngày 22/02/2017)
Ông Đinh Mạnh Tùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/02/2017)
Ông Nguyễn Văn Tuân	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/02/2017)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Công ty được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam chấp thuận được kiểm toán cho các đơn vị niêm yết, tổ chức phát hành và tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam theo Quyết định số 1261/QĐ-UBCK ngày 18/11/2016.

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Trong năm 2016 Công ty thu lại tiền đầu tư vào 02 Công ty con (VIT và VCI) với số tiền là 62,7 tỷ đồng; thu tiền phát hành tăng vốn 109,9 tỷ đồng. Toàn bộ nguồn tiền này đã được tạm ứng cho 05 cá nhân với tổng số dư nợ tạm ứng đến cuối năm tài chính ngày 31/12/2016 là 173 tỷ đồng. Đến ngày 18 và ngày 20/01/2017 các cá nhân này đã hoàn trả tạm ứng vào tài khoản ngân hàng của Công ty. Tuy nhiên cũng trong ngày 18 và ngày 20/01/2017 Công ty đã đầu tư 160 tỷ đồng vào 03 Công ty khác (Báo cáo tài chính năm 2016 chưa được kiểm toán), cụ thể như sau:

+ Đầu tư 70 tỷ vào Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam, tỷ lệ nắm giữ 35%, số lượng cổ phần đầu tư là 350.000 cổ phần, giá mua 200.000 đồng/cổ phần.

+ Đầu tư 20 tỷ vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Hà Thái, tỷ lệ nắm giữ 20%, số lượng cổ phần đầu tư là 1.000.000 cổ phần, giá mua 20.000 đồng/cổ phần.

+ Đầu tư 70 tỷ vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thanh Thủy, tỷ lệ nắm giữ 70%, số lượng cổ phần đầu tư là 3.500.000 cổ phần, giá mua 20.000 đồng/cổ phần.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2017
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

HÀ XUÂN TRƯỜNG

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 4) 3868 9566 / (+84 4) 3868 9588
Fax: (+84 4) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số : 494/BCKT/TC/NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam, được lập ngày 08/6/2017, từ trang 08 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Trong năm 2016 Công ty thu lại tiền đầu tư vào 02 Công ty con (VIT và VCI) với số tiền là 62,7 tỷ đồng; thu tiền phát hành tăng vốn 109,9 tỷ đồng. Toàn bộ nguồn tiền này đã được tạm ứng cho 05 cá nhân với tổng số dư nợ tạm ứng đến cuối năm tài chính ngày 31/12/2016 là 173 tỷ đồng. Đến ngày 18 và ngày 20/01/2017 các cá nhân này đã hoàn trả tạm ứng vào tài khoản ngân hàng của Công ty. Tuy nhiên cũng trong ngày 18 và ngày 20/01/2017 Công ty đã đầu tư góp vốn 160 tỷ đồng vào 03 Công ty (Báo cáo tài chính năm 2016 chưa được kiểm toán), cụ thể như sau:

Thành viên Hãng kiểm toán MGI Quốc tế
mgiworldwide

+ Đầu tư 70 tỷ vào Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam (Theo BCTC kết thúc ngày 31/12/2016 thì vốn góp của chủ sở hữu là 100 tỷ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là âm 6.684.185.351 đồng, vốn chủ sở hữu còn lại là 93.315.814.649 đồng), tỷ lệ nắm giữ 35%, số lượng cổ phần đầu tư là 350.000 cổ phần, giá mua 200.000 đồng/1 cổ phần.

+ Đầu tư 20 tỷ vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Hà Thái (Theo BCTC kết thúc ngày 31/12/2016 thì vốn góp của chủ sở hữu là 50 tỷ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là âm 1.993.116.336 đồng, vốn chủ sở hữu còn lại là 48.015.447.438 đồng), tỷ lệ nắm giữ 20%, số lượng cổ phần đầu tư là 1.000.000 cổ phần, giá mua 20.000 đồng/1 cổ phần.

+ Đầu tư 70 tỷ vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thanh Thủy (Theo BCTC kết thúc ngày 31/12/2016 thì vốn góp của chủ sở hữu là 50 tỷ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là âm 716.477 đồng, vốn chủ sở hữu còn lại là 49.999.283.523 đồng), tỷ lệ nắm giữ 70%, số lượng cổ phần đầu tư là 3.500.000 cổ phần, giá mua 20.000 đồng/1 cổ phần.

Qua xem xét Báo cáo tài chính năm 2016 (chưa được kiểm toán) của 03 Công ty này, chúng tôi nhận thấy Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam đang phản ánh giá mua của khoản đầu tư mà chưa xem xét, đánh giá, trích lập dự phòng để có thể phản ánh giá thị trường của khoản đầu tư này vào Báo cáo tài chính năm 2016 của mình.

- Hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng sinh lời của 03 khoản đầu tư (như được trình bày ở trên) hoặc khả năng thu hồi vốn từ các khoản đầu tư này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" và ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

NGÔ QUANG TIẾN	**NGUYỄN VIẾT LONG**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0448-2014-126-1	Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0692-2014-126-1
Thay mặt và đại diện cho	
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)	
Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2017	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**259.490.910.483**	**135.352.815.215**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.01	**840.048.166**	**58.134.337.658**
1. Tiền	111		840.048.166	3.134.337.658
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	55.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**239.396.326.167**	**61.692.774.526**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	24.342.326.167	19.555.907.026
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	42.054.000.000	42.136.867.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	173.000.000.000	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**19.242.727.273**	**15.431.506.540**
1. Hàng tồn kho	141	V.05	19.242.727.273	15.431.506.540
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**11.808.877**	**94.196.491**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.808.877	94.196.491
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.076.023.425**	**14.968.977.738**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**1.007.308.949**	**4.515.537.431**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	1.007.308.949	4.515.537.431
- Nguyên giá	*222*		*1.360.403.637*	*5.289.585.455*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*223*		*(353.094.688)*	*(774.048.024)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	**10.200.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.07	-	10.200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**68.714.476**	**253.440.307**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	68.714.476	253.440.307
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**260.566.933.908**	**150.321.792.953**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**23.674.785.642**	**24.982.408.544**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**23.674.785.642**	**24.982.408.544**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	23.651.605.250	21.226.235.363
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	4.484.392	3.734.599.208
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	18.696.000	21.573.973
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**236.892.148.266**	**125.339.384.409**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.12	**236.892.148.266**	**125.339.384.409**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		235.399.580.000	109.999.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(149.090.909)	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		1.641.659.175	15.339.394.409
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**260.566.933.908**	**150.321.792.953**

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thị Minh Thu	Hoàng Quế Lan	Hà Xuân Trường

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**94.333.570.637**	**221.642.939.188**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**94.333.570.637**	**221.642.939.188**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.2**	**91.875.965.652**	**210.020.422.357**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.457.604.985	11.622.516.831
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.315.370.558	9.020.350.234
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	530.282.500	1.060.024.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1.863.990.277	2.607.388.557
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**4.378.702.766**	**16.975.454.508**
11. Thu nhập khác	31	VI.4	15.025.646	-
12. Chi phí khác	32	VI.5	1.077.143.448	1.039.841.874
13. Lợi nhuận khác	40		(1.062.117.802)	(1.039.841.874)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**3.316.584.964**	**15.935.612.634**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	4.484.392	3.734.599.944
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**3.312.100.572**	**12.201.012.690**

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thị Minh Thu	Hoàng Quế Lan	Hà Xuân Trường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	***3.316.584.964***	***15.935.612.634***
2. Điều chỉnh cho các khoản		***(3.792.630.345)***	***(8.458.152.058)***
+ Khấu hao tài sản cố định	02	522.740.213	562.198.176
+ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.315.370.558)	(9.020.350.234)
+ Chi phí lãi vay	06		
+ Các khoản điều chỉnh khác	07		-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	08	***(476.045.381)***	***7.477.460.576***
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(174.050.461.150)	(15.197.449.136)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(3.811.220.733)	(9.364.126.540)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	2.422.491.914	19.319.436.713
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	184.725.831	64.021.093
- Tiền lãi vay đã trả	14		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.203.805.948)	(1.871.468.666)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	15.025.646	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(859.143.447)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	***(181.778.433.268)***	***427.874.040***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(30.818.182)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(52.500.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	62.700.000.000	42.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.315.370.558	20.350.234
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***14.484.552.376***	***55.520.350.234***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	109.999.990.000	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(398.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***109.999.591.400***	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(57.294.289.492)**	**55.948.224.274**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**58.134.337.658**	**2.186.113.384**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**840.048.166**	**58.134.337.658**

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thị Minh Thu	Hoàng Quế Lan	Hà Xuân Trường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0104782792, đăng ký lần đầu ngày 03/08/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/09/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của công ty được đặt tại: Tầng 5, Tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 235.399.580.000 VND.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Chăn nuôi gia cầm; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quí hiếm; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là "đ"; ký hiệu quốc tế là "VND").

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con; Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

4. Nguyên tắc kế toán phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ,

các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý…

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141…

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7/12/2009.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cấn đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ…

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng thành viên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

a. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

b. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1 . Tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt tại quỹ	831.939.029	2.792.108.430
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.109.137	342.229.228
Các khoản tương đương tiền (*)	-	55.000.000.000
Cộng	**840.048.166**	**58.134.337.658**

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng giá trị 55.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong với lãi suất 4,8%/năm.

2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
a) Phải thu khách hàng	**24.342.326.167**	**17.260.483.962**
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin và Truyền thông Gtel	-	2.507.352.400
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu	-	12.526.973.012
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HP	-	698.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hồng Phát	-	1.228.158.550
Công ty Cổ phần Xây dựng Hitechcons Việt Nam	-	300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư PSP Việt Nam	2.704.414.043	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thanh Thủy	18.392.912.124	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu Quốc tế	3.245.000.000	-
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	**2.295.423.064**
Công ty CP Thương mại và Đầu tư VCI Việt Nam	-	2.295.423.064
Cộng	**24.342.326.167**	**19.555.907.026**

3 . Trả trước người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
a) Trả trước cho người bán	**42.054.000.000**	**42.136.867.500**
Ông Trần Đức Hòa (*)	42.000.000.000	42.000.000.000
Công ty Cổ phần Coneck Việt Nam	4.000.000	4.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	-	35.000.000
Công ty TNHH TM DV Kỹ thuật Cao Việt Cường	-	37.867.500
Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	-	60.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán ASC	50.000.000	-
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	**42.054.000.000**	**42.136.867.500**

(*) Đây là khoản tiền ứng trước cho ông Trần Đức Hòa theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đầm nuôi trồng thủy sản số 2805/2015/HĐCN/HOA-VNDI ngày 28/05/2015 giữa ông Trần Đức Hòa và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam.

4 . Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Tạm ứng		
Bùi Đình Như	135.000.000.000	-
Đặng Kim Khoa	5.000.000.000	-
Nguyễn Thanh Tùng	12.000.000.000	-
Nguyễn Văn Thanh	10.500.000.000	-
Nguyễn Thanh Tú	10.500.000.000	-
Cộng	**173.000.000.000**	-

5 . Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	19.242.727.273	-	15.431.506.540	-
Cộng	**19.242.727.273**	-	**15.431.506.540**	-

6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT TB truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	-	3.960.000.000	1.329.585.455	-	5.289.585.455
Số tăng trong năm	-	30.818.182	-	-	30.818.182
- Mua trong năm		*30.818.182*			*30.818.182*
Số giảm trong năm	-	3.960.000.000	-	-	3.960.000.000
- Thanh lý		*3.960.000.000*			*3.960.000.000*
Số dư cuối năm	-	30.818.182	1.329.585.455	-	1.360.403.637
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	607.849.848	166.198.176	-	774.048.024
Số tăng trong năm	-	356.542.037	166.198.176	-	522.740.213
- Khấu hao trong năm		*356.542.037*	*166.198.176*		*522.740.213*
Số giảm trong năm	-	943.693.549	-	-	943.693.549
- Thanh lý		*943.693.549*			*943.693.549*
Số dư cuối năm	-	20.698.336	332.396.352	-	353.094.688
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	3.352.150.152	1.163.387.279	-	4.515.537.431
Tại ngày cuối năm	-	10.119.846	997.189.103	-	1.007.308.949

7 . Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Thương mại Việt Nam	-	-	-	10.200.000.000	-	10.200.000.000
Cộng	-	-	-	**10.200.000.000**	-	**10.200.000.000**

- Trong năm, Công ty có chuyển thêm 45.000.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Việt Nam (VIT) với dự định góp vốn đầu tư để tăng thêm vốn Điều lệ của Công ty VIT, nhưng chưa thực hiện đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp nên Công ty thu hồi lại số tiền này. Sau đó, Công ty chuyển nhượng 1.020.000 cổ phần tương ứng với 10.200.000.000 đồng chiếm 51% vốn lệ cho ông Hoàng Ngọc Chiến là Cổ đông sáng lập của Công ty VIT.

8 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công cụ, dụng cụ	55.650.921	141.313.819
Chi phí thuê nhà	-	81.686.103
Chi phí khác	13.063.555	30.440.385
Cộng	**68.714.476**	**253.440.307**

9 . Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	**23.651.605.250**	**23.651.605.250**	**21.226.235.363**	**21.226.235.363**
Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai	-	-	16.376.917.194	16.376.917.194
Công ty CP Quảng cáo và Truyền thông Hà Linh	24.090.000	24.090.000	24.090.000	24.090.000
Công ty TNHH Thiết bị điện An Phúc	-	-	259.817.869	259.817.869
Công ty Cổ phần Gang Thép Công nghiệp Việt Nam	21.167.000.000	21.167.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hải An Việt Nam	-	-	483.248.700	483.248.700
Công ty Đầu tư Phát triển Việt Thành	2.386.809.750	2.386.809.750	-	-
Công ty CP Thương mại Ngôi sao Thăng Long	73.705.500	73.705.500	-	-
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	-	-	3.830.904.000	3.830.904.000
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông Đắc Thành	-	-	157.702.600	157.702.600
Công ty CP Đầu tư Công nghệ Hoàng Minh	-	-	93.555.000	93.555.000
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	**23.651.605.250**	**23.651.605.250**	**21.226.235.363**	**21.226.235.363**

10 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2016		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	31/12/2016	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	-	8.822.186.641	8.822.186.641	-	-
Thuế TNDN	-	3.734.599.208	1.473.691.132	5.203.805.948	-	4.484.392
Thuế TNCN	-		45.000.000	45.000.000	-	-
Thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phí, lệ phí, khác	-	-	858.443.447	858.443.447	-	-
Cộng	**-**	**3.734.599.208**	**11.204.321.220**	**14.934.436.036**	**-**	**4.484.392**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
BHXH, BHYT, BHTN	18.696.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	21.573.973
Cộng	**18.696.000**	**21.573.973**

12 . Vốn chủ sở hữu

12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Vốn góp chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**100.000.000.000**			**13.138.371.719**	**113.138.371.719**
Tăng vốn trong năm trước	9.999.990.000	-	-	12.201.012.690	22.201.002.690
- Lãi năm trước	-	-	-	*12.201.012.690*	*12.201.012.690*
- Tăng vốn	*9.999.990.000*			-	*9.999.990.000*
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	9.999.990.000	9.999.990.000
- Chia cổ tức	-	-	-	*9.999.990.000*	*9.999.990.000*
Số dư đầu năm nay	**109.999.990.000**	-	-	**15.339.394.409**	**125.339.384.409**
Tăng vốn trong năm nay	125.399.590.000	(149.090.909)	-	3.312.100.572	128.562.599.663
- Lãi năm nay	-	-	-	*3.312.100.572*	*3.312.100.572*
- Tăng vốn	*125.399.590.000*	-		-	*125.399.590.000*
- Tăng khác	-	*(149.090.909)*		-	*(149.090.909)*
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	17.009.835.806	17.009.835.806
- Chia cổ tức				*15.399.998.600*	*15.399.998.600*
- Giảm khác	-			*1.609.837.206*	*1.609.837.206*
Số dư cuối năm nay	**235.399.580.000**	**(149.090.909)**	-	**1.641.659.175**	**236.892.148.266**

- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2605/2016/NQ-HĐQT-VNDI ngày 26/05/2016, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông, mệnh giá: 10.000 đồng, số lượng cổ phiếu phát hành: 10.999.999 cổ phiếu.
- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 0809-2/2016/NQ/ĐHĐCĐ-VNDI ngày 08/09/2016, Công ty thông qua phương án thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 là 7% theo hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Công ty đã phát hành thành công 1.539.960 cổ phiếu để trả cổ tức.

12.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Finway	10.700.000.000	6.600.000.000
Ông Bùi Đình Như	10.700.000.000	11.000.000.000
Ông Hoàng Ngọc Chiến	10.700.000.000	5.500.000.000
Ông Lê Đức Tự	10.700.000.000	5.500.000.000
Các cổ đông khác	192.599.580.000	81.399.990.000
Cộng	**235.399.580.000**	**109.999.990.000**

12.3. Các giao dịch về vốn với các CSH

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	109.999.990.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	*125.399.590.000*	*9.999.990.000*
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	235.399.580.000	109.999.990.000

12.4. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.539.958	10.999.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	23.539.958	10.999.999
- Cổ phiếu phổ thông	23.539.958	10.999.999
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.539.958	10.999.999
- Cổ phiếu phổ thông	23.539.958	10.999.999
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	93.788.116.091	220.205.171.002
Doanh thu cung cấp dịch vụ	545.454.546	1.437.768.186
Cộng	**94.333.570.637**	**221.642.939.188**

2 . Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	91.677.965.652	209.681.122.357
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	198.000.000	339.300.000
Cộng	**91.875.965.652**	**210.020.422.357**

3 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.370.558	20.350.234
Lãi cổ tức	4.305.000.000	-
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng khoản đầu tư hợp tác kinh doanh	-	9.000.000.000
- Chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Finway	-	*3.000.000.000*
- Chuyển nhượng cho Công ty CP Thương mại và Đầu tư VCI Việt Nam	-	*6.000.000.000*
Cộng	**4.315.370.558**	**9.020.350.234**

4 . Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	15.025.646	-
Cộng	**15.025.646**	-

5 . Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản phạt thuế	859.143.447	134.396.660
Chênh lệch công nợ	1	707.445.214
Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ SXKD	151.693.549	198.000.000
Chi phí, GTCL khi thanh lý TSCĐ	66.306.451	-
Cộng	**1.077.143.448**	**1.039.841.874**

6 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ	**1.863.990.277**	**2.607.388.557**
Chi phí nhân viên quản lý	524.388.000	1.192.564.756
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	129.993.963	164.576.990
Khấu hao tài sản cố định	173.046.664	166.198.176
Thuế, phí, lệ phí	44.643.189	89.698.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	294.572.292	409.218.565
Các khoản chi phí QLDN khác	697.346.169	585.131.254
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	**530.282.500**	**1.060.024.000**
Chi phí nhân viên bán hàng	530.282.500	1.060.024.000

7 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
a. Lợi nhuận trước thuế	3.316.584.964	15.935.612.634
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	(3.294.163.003)	1.039.841.874
- Chi phí chậm nộp tờ khai, chậm nộp thuế	*859.143.447*	*134.396.660*
- Chênh lệch công nợ	*1*	*707.445.214*
- Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ SXKD	*151.693.549*	*198.000.000*
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	*(4.305.000.000)*	-
c. Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN	22.421.961	16.975.454.508
d. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**4.484.392**	**3.734.599.944**

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Trong năm 2016 Công ty thu lại tiền đầu tư vào 02 Công ty con (VIT và VCI) với số tiền là 62,7 tỷ đồng; thu tiền phát hành tăng vốn 109,9 tỷ đồng. Toàn bộ nguồn tiền này đã được tạm ứng cho 05 cá nhân với tổng số dư nợ tạm ứng đến cuối năm tài chính ngày 31/12/2016 là 173 tỷ đồng. Đến ngày 18 và ngày 20/01/2017 các cá nhân này đã hoàn trả tạm ứng vào tài khoản ngân hàng của Công ty. Tuy nhiên cũng trong ngày 18 và ngày 20/01/2017 Công ty đã đầu tư góp vốn 160 tỷ đồng vào 03 Công ty (Báo cáo tài chính năm 2016 chưa được kiểm toán), cụ thể như sau:

- Công ty đầu tư 70.000.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam, tỷ lệ nắm giữ 35%, số lượng cổ phần đầu tư: 350.000 cổ phần, giá mua: 200.000 đồng/cổ phần.
- Công ty đầu tư 20.000.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Hà Thái, tỷ lệ nắm giữ 20%, số lượng cổ phần đầu tư: 1.000.000 cổ phần, giá mua 20.000 đồng/cổ phần.
- Công ty đầu tư 70.000.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thanh Thủy, tỷ lệ nắm giữ 70%, số lượng cổ phần đầu tư 3.500.000 cổ phần, giá mua 20.000 đồng/cổ phần.

3 . Thông tin về các bên liên quan

3.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ghi chú
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Việt Nam	Công ty con	Thoái vốn ngày 17/08/2016
Công ty Cổ phần XNK Nông sản phía Nam	Công ty con	Thoái vốn ngày 17/08/2016
Ông Bùi Đình Như	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07/09/2016
Ông Đặng Kim Khoa	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/09/2016, miễn nhiệm ngày 15/04/2017
Ông Hoàng Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 09/07/2016
Ông Lê Đức Tự	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 07/09/2016
Bà Lê Thị Nhung	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 07/09/2016
Ông Nguyễn Đức Quang	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07/09/2016
Ông Phạm Đình Dương	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 07/09/2016, miễn nhiệm ngày 22/02/2017
Bà Phùng Thi Diệp Linh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 07/09/2016, miễn nhiệm ngày 22/02/2017
Bà Lâm Thị Hòa	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 07/09/2016, miễn nhiệm ngày 22/02/2017

3.2 Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Giá trị giao dịch (đồng)
	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Thương mại Việt Nam	
	- Đầu tư	45.000.000.000
	- Thoái vốn	55.200.000.000
	- Nhận cổ tức được chia	2.805.000.000
	Công ty Cổ phần XNK Nông sản phía Nam	
	- Đầu tư	7.500.000.000
	- Thoái vốn	7.500.000.000
	- Nhận cổ tức được chia	1.500.000.000
	Ông Bùi Đình Như	
	- Tạm ứng	135.000.000.000
	- Góp vốn	21.700.000.000
	- Chuyển nhượng vốn	22.000.000.000
	Ông Đặng Kim Khoa	
	- Tạm ứng	5.000.000.000
	- Góp vốn	7.617.600.000
	- Chuyển nhượng vốn	16.928.000.000

Ông Hoàng Ngọc Chiến	
- Góp vốn	16.200.000.000
- Chuyển nhượng vốn	11.000.000.000
Ông Lê Đức Tự	
- Góp vốn	16.200.000.000
- Chuyển nhượng vốn	11.000.000.000
Bà Lê Thị Nhung	
- Góp vốn	10.700.000.000
Ông Nguyễn Đức Quang	
- Góp vốn	10.700.000.000
- Chuyển nhượng vốn	110.000.000
Ông Phạm Đình Dương	
- Chuyển nhượng vốn	1.467.000.000
Bà Phùng Thị Diệp Linh	
- Chuyển nhượng vốn	2.338.000.000
Bà Lâm Thị Hòa	
- Chuyển nhượng vốn	3.713.000.000

3.3 Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

TT	Các bên liên quan	Nội dung	Phải thu/(Phải trả)
	Nợ phải thu		
1	Ông Bùi Đình Như	Tạm ứng	22.000.000.000
2	Ông Đặng Kim Khoa	Tạm ứng	3.713.000.000

3.4 Giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập Tổng Ban Giám đốc, Thù lao HĐQT, ban Kiểm soát năm năm 2016:

TT	Bộ phận	Thu nhập
1	Thu nhập HĐQT, ban Kiểm soát	249.980.000
2	Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	71.480.000
3	Thu nhập Kế toán trưởng	113.280.000
	Cộng	**434.740.000**

4 . Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5 . Công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	840.048.166	-	58.134.337.658	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	197.342.326.167	-	19.555.907.026	-
Cộng	**198.182.374.333**	**-**	**77.690.244.684**	**-**

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	23.670.301.250	21.247.809.336
Chi phí phải trả	-	-
Các khoản vay	-	-
Cộng	**23.670.301.250**	**21.247.809.336**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.
- Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho các đơn vị khác tại ngày 31/12/2016.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ (31/12/2016)			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	23.651.605.250	-	23.651.605.250
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	18.696.000	-	18.696.000
Số đầu kỳ (01/01/2016)			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	21.226.235.363	-	21.226.235.363
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	21.573.973	-	21.573.973

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

6 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

7 . Thông tin về hoạt động liên tục

Hoạt động của Công ty phụ thuộc vào nội dung tại mục VII.2 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có phù hợp hay không.

8 . Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam được Tổng Giám đốc phê duyệt để ban hành vào ngày 08/06/2017.

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2017

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lê Thị Minh Thu	Hoàng Quế Lan	Hà Xuân Trường